

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**  
Cập nhật: 21/5/2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về xây dựng, phát triển Chính phủ số**  
**giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

**QUYẾT NGHỊ:**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, là chủ trương quan trọng được Đảng và Nhà nước chú trọng trong suốt giai đoạn vừa qua.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai và đạt được các kết quả quan trọng, tạo tiền đề phát triển Chính phủ số giai đoạn tiếp theo.

**1. Về những kết quả nổi bật:**

Công tác chỉ đạo, điều hành về phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nhiều lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp quan tâm, chỉ đạo quyết liệt.

Môi trường pháp lý cho phát triển Chính phủ điện tử từng bước được hoàn thiện, Nghị định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Nghị định quy định về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Nghị định về công tác văn thư đã được ban hành.

Nhiều ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước phát huy hiệu quả. Khoảng 87% văn bản giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi qua mạng; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ cao cung cấp cho người dân và doanh nghiệp ngày càng tăng, tại một số lĩnh vực có hiệu quả cao như thuế (99,8% doanh nghiệp khai thuế điện tử), hải quan (99,7% doanh nghiệp thực hiện hải quan điện tử). Công Dịch vụ công quốc gia được khai trương, từng bước tích hợp dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương.

Một số cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia được hình thành, tạo nền tảng cho Chính phủ điện tử như Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu về Bảo hiểm; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được hình thành, từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; an toàn, an ninh mạng được cải thiện rõ rệt.

## **2. Về những hạn chế:**

Môi trường pháp lý cho Chính phủ điện tử chưa hoàn thiện, đặc biệt là một số luật, nghị định quan trọng tạo hành lang pháp lý cho triển khai Chính phủ điện tử chưa được ban hành.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và tỷ lệ hồ sơ điện tử còn thấp; các cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng Chính phủ điện tử chậm được triển khai; an toàn, an ninh mạng chưa được quan tâm đúng mức; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, các hệ thống thông tin phân mảnh, trùng lặp, nhiều nơi cát cứ dữ liệu. Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp chưa hiệu quả. Khả năng tận dụng, kết hợp các hệ thống thông tin đã đầu tư trong phản ứng với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh còn nhiều bất cập.

Nguyên nhân chính của những hạn chế là: Lãnh đạo một số cơ quan nhà nước chưa quan tâm, làm gương, chỉ đạo sát sao; nhiều cán bộ, công chức chậm thay đổi lề lối làm việc để ứng dụng công nghệ thông tin; nhiều người dân, doanh nghiệp thiếu kỹ năng số để truy cập thông tin, dịch vụ; kinh phí đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu nhiều năm; thiếu chiến lược phát triển tổng thể; thiếu bộ chỉ số, công cụ giám sát, đánh giá triển khai.

Ngày 27/9/2020, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó xác định mục tiêu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng Chính phủ số ở Việt Nam.

Đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 thời gian vừa qua đặt ra yêu cầu bắt buộc phải thực hiện chuyển đổi số trong toàn xã hội nhanh hơn, mạnh mẽ hơn.

Phát huy các kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, đây là thời cơ hiếm

có để xây dựng, phát triển Chính phủ số, tạo nền móng cho phát triển kinh tế số, xã hội số tại Việt Nam.

## **II. QUAN ĐIỂM**

Việc xây dựng, phát triển Chính phủ số gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số quốc gia theo quan điểm sau:

1. Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định, chuyển đổi số phải toàn trình, từ đầu đến cuối trong triển khai hoạt động của cơ quan nhà nước. Cơ quan nhà nước sử dụng dữ liệu và các công nghệ số để ra quyết định và quản lý xã hội hiệu quả hơn, tạo nền tảng và dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia.

2. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; minh bạch hóa, tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước. Giảm bớt thủ tục hành chính, thay đổi nhận thức từ nền hành chính công “*một cửa cố định*” đến “*một cửa bất kỳ*” hay “*không cửa*”, cung cấp thêm các dịch vụ tiện ích số mang lại giá trị gia tăng cho mọi người dân, mọi lúc, mọi nơi, thân thiện, dễ dàng sử dụng. Hình thành văn hoá số, người dân có thói quen sử dụng dịch vụ số.

3. Kết hợp hài hoà mô hình tập trung và phân tán; tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Các nền tảng dùng chung cho Chính phủ số phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung sau đó nhân rộng; phát triển các nền tảng theo hướng dịch vụ có thể sử dụng tại mọi nơi, không phân biệt cấp chính quyền.

4. Dữ liệu cần được quản lý như là tài nguyên quan trọng, cần phải được chia sẻ một cách tối đa trong các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Dữ liệu cần phải được chia sẻ, tái sử dụng trong các cơ quan nhà nước để đảm bảo người dân, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp một lần đối với một loại dữ liệu khi thực hiện các thủ tục hành chính. Dữ liệu số được được pháp lý hoá để có giá trị như dữ liệu truyền thống.

5. Mục tiêu kép là gắn phát triển Chính phủ số với phát triển các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ các công nghệ lõi, làm chủ các nền tảng mở phục vụ Chính phủ số. Các doanh nghiệp có thể tham gia quá trình cung cấp dịch vụ hành chính công.

## **III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Chính phủ số là trụ cột trong mô hình phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết Chính phủ số với kinh tế số, xã hội số, giúp Chính phủ có năng lực phục vụ và kiến tạo tới mức độ cá thể hoá theo nhu cầu của người dùng và doanh nghiệp, dựa trên phân tích dữ liệu để đổi mới quản trị hành chính công.

## **IV. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển Chính phủ số, là Chính phủ tương tác, minh bạch, sử dụng dữ liệu

số để tối ưu hoá hoạt động, chuyển đổi và cung cấp các dịch vụ số mới dựa trên nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số quốc gia.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Mục tiêu đến năm 2025**

Chính phủ hoạt động, vận hành, ban hành chính sách, đưa ra quyết định chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ số một cách chủ động theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp một cách tối ưu dựa trên năng lực khai thác và phân tích dữ liệu. Cơ quan nhà nước các cấp từng bước mở dữ liệu để thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

#### ***Các chỉ tiêu chính cần đạt được:***

- i. 80% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính phủ;
- ii. 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số; cho phép thực hiện thủ tục hành chính từ đầu đến cuối trên môi trường mạng, ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật; được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; được ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự tiện lợi cho người dùng, tự động điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã từng cung cấp;
- iii. 70% dịch vụ hành chính công trực tuyến phát sinh hồ sơ;
- iv. 60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng;
- v. 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- vi. 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ số bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc.
- viii. 80% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở, dưới định dạng máy có khả năng đọc, để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;
- ix. 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- x. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó, 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu;
- xi. Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

### **b) Mục tiêu đến năm 2030**

Chính phủ số với mô hình nhiều thành phần, nhiều kênh cung cấp các dịch vụ số mới cho người dân và doanh nghiệp dựa trên nền tảng hệ sinh thái cung cấp dịch vụ.

### ***Các chỉ tiêu chính cần đạt được:***

- i. 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính phủ.
- ii. Dịch vụ số được thiết kế tùy biến, cá nhân hoá, tối ưu hoá trải nghiệm, tiện lợi cho người dùng, trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động và các kênh số khác, trong đó 50% dịch vụ công có sự tham gia cung cấp bởi các tổ chức ngoài nhà nước;
- iii. 80% dịch vụ hành chính công trực tuyến phát sinh hồ sơ;
- iv. 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng;
- v. 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- vi. Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước;
- vii. Giảm 30% thủ tục hành chính; hầu hết các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước nêu pháp luật cho phép được mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;
- viii. 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- ix. Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

## **V. NHIỆM VỤ**

### **1. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho Chính phủ số**

a) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở mức luật, tạo điều kiện phát triển Chính phủ số giai đoạn mới, trong đó bao gồm quy định trách nhiệm phải chia sẻ, mở dữ liệu, chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số, quy định đặc thù về quản lý đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử để điều chỉnh các chủ thể, hành vi mới trong các giao dịch điện tử do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số.

c) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc số hóa hoàn toàn quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức.

d) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số thay thế Luật Công nghệ thông tin góp phần tạo môi trường pháp lý cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

đ) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Viễn thông để cập nhật các nội dung phù hợp xu thế phát triển mới và đưa một số nội dung Chính phủ số và an toàn, an ninh mạng vào hoạt động viễn thông công ích.

e) Sửa đổi hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để có các quy định phù hợp, cung cấp các dịch vụ số đa dạng, thuận tiện hơn, tăng cường sự tương tác với người dân và doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người sử dụng.

g) Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng tần số vô tuyến điện; đấu giá và chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần.

h) Xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ đạo đức, văn hóa trên môi trường ảo, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

i) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số bắt kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm sự kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

k) Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Điện toán đám mây, trong đó xác định rõ định hướng, lộ trình, nội dung, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc phát triển, ứng dụng điện toán đám mây, bảo đảm tính hiệu quả, đồng bộ, kết nối và an toàn, an ninh mạng.

l) Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dữ liệu để xác định rõ tầm nhìn, định hướng, lộ trình, nội dung phát triển dữ liệu trên quy mô quốc gia phục vụ triển khai chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

m) Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh lên Kiến trúc Chính phủ số, Chính quyền số một cách tương ứng nhằm triển khai Chính phủ số đồng bộ trên quy mô toàn quốc, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

## **2. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia cho Chính phủ số Việt Nam**

### **a) Hạ tầng mạng**

i. Phát triển Mạng dùng riêng cho Chính phủ số, ổn định, an toàn, thông suốt, từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở tái cấu trúc Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp I, cấp II, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương và mạng Internet băng rộng hướng tới hình thành hạ tầng số cho Chính phủ số.

ii. Xây dựng Hệ thống Trung tâm điều hành hạ tầng mạng quốc gia để giám sát, điều hành kịp thời hoạt động của hệ thống mạng quốc gia, trước hết là Mạng dùng riêng cho Chính phủ số.

iii. Thúc đẩy phát triển hạ tầng mạng cáp quang băng rộng, mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo, đáp ứng nhu cầu truy cập tốc độ cao của các dịch vụ ứng dụng công nghệ số mới trong các lĩnh vực.

### **b) Trung tâm dữ liệu**

Xây dựng Đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở, quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

### **c) Các cơ sở dữ liệu quốc gia**

Phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, trước hết phải bảo đảm cung cấp dữ liệu cho các dịch vụ công trực tuyến, từng bước mở dữ liệu để phát triển các dịch vụ kinh tế - xã hội.

Các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được ưu tiên phát triển trước, đó là: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm; Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc; Cơ sở dữ liệu quốc gia về Y tế; Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

### **d) Phát triển các nền tảng quốc gia**

i. Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên quy mô toàn quốc thông qua việc kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (LGSP), tuân thủ Khung Kiến trúc.

ii. Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA) hướng tới xây dựng Mô hình liên hiệp định danh, thực hiện chức năng thu thập, xác minh, tạo lập, lưu trữ, cung cấp thông tin định danh và xác thực người sử dụng trong các giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước.

iii. Phát triển Nền tảng Hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (NPSP) nhằm hỗ trợ các cổng dịch vụ công kết nối đa kênh thanh toán, hỗ trợ đối soát các nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán khi cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

iv. Phát triển Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số (G-SOC) bảo đảm việc giám sát, phân tích thông tin, cảnh báo sớm cho các bộ, ngành, địa phương, đồng thời thực hiện công tác điều hành an toàn, an ninh mạng trên quy mô toàn quốc.

v. Xây dựng Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa trên

môi trường số;

vi. Xây dựng Hệ thống giám sát quốc gia về Chính phủ số (G-OC) để thực hiện giám sát về hạ tầng mạng và dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước trên quy mô toàn quốc.

vii. Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế - xã hội.

viii. Phát triển công nghệ mở, nền tảng mở, nền tảng cộng đồng quốc gia để mọi người dân có thể tham gia đóng góp ý kiến kiến tạo Chính phủ số.

### **3. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia**

a) Phát triển Cổng Dịch vụ công quốc gia để qua một địa chỉ duy nhất trên mạng người dân và doanh nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương, từng bước tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp.

b) Phát triển Nền tảng ứng dụng di động để truy cập được các dịch vụ Chính phủ số qua thiết bị di động thông minh, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ công trực tuyến mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với định hướng 100% người dân có điện thoại thông minh; các điện thoại thông minh bán ra trên thị trường được cài đặt sẵn một số ứng dụng Chính phủ số cơ bản.

c) Xây dựng Công dữ liệu Việt Nam là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước và thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội.

d) Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp ngày càng tham gia đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số hóa của Việt Nam.

đ) Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia kết nối với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương hướng tới hầu hết các văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên quy mô toàn quốc được thực hiện hoàn toàn qua môi trường mạng.

e) Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

g) Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước.

h) Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số nhằm hiện đại hóa, số hóa công tác quản lý ngân sách, kế toán trên phạm vi toàn quốc.

### **4. Phát triển Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương**

#### **a) Phát triển hạ tầng kỹ thuật nội bộ**



i. Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, sử dụng hiệu quả Mạng dùng riêng cho Chính phủ số, tuân thủ Mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

ii. Phát triển Trung tâm dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ứng dụng Điện toán đám mây, thuê dịch vụ và kết nối với Đám mây Chính phủ toàn quốc.

iii. Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

iv. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

v. Xây dựng các hệ thống an toàn, an ninh mạng cho triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương, bảo đảm kết nối với các hệ thống an toàn, an ninh mạng quốc gia.

#### **b) Phát triển hệ thống nội bộ**

i. Phát triển Hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

ii. Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Đối với các địa phương, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng là một bộ phận của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), tránh trùng lặp, lãng phí.

iii. Phát triển các hệ thống đặc thù để dùng chung trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

#### **c) Phát triển dữ liệu nội bộ**

i. Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các Cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

ii. Hầu hết các dữ liệu gốc phải được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API), hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

#### **d) Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ**

i. Phát triển Công dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở tích hợp với Hệ thống một cửa điện tử, kết nối với Hệ thống giám sát quốc gia về Chính phủ số; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

ii. Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời tinh giản một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

iii. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

iv. Phát triển Hệ thống quản lý văn bản và điều hành bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia.

v. Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, ngành, địa phương, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

vi. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau.

vii. Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế, ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ Chính phủ số; coi các dịch vụ đô thị thông minh là nền tảng phục vụ người dân, nhưng đồng thời cung cấp nguồn dữ liệu cho các cơ quan nhà nước ra quyết định dựa trên dữ liệu, cung cấp các dịch vụ hành chính công tốt hơn. Triển khai đô thị thông minh phải tuân thủ Khung tham chiếu công nghệ thông tin và truyền thông phát triển đô thị thông minh, triển khai thí điểm trước khi nhân rộng.

viii. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ, ngành, địa phương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu, các hệ thống ra quyết định phải dựa trên dữ liệu.

ix. Các bộ chuyên ngành phát triển các ứng dụng, dịch vụ có thể dùng chung cho toàn ngành từ Trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian

triển khai, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung phải được chia sẻ khi có nhu cầu.

x. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số mới như Cloud, Big Data, Di động, IoT AI, Blockchain, Mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

## **VI. GIẢI PHÁP**

Để tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ phát triển Chính phủ số cần triển khai các giải pháp chính sau:

### **1. Phát triển nguồn nhân lực cho Chính phủ số**

a) Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp về phát triển Chính phủ số.

b) Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia Chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính phủ số.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Xây dựng khung đánh giá kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

d) Đưa nội dung đào tạo về Chính phủ số vào Chương trình đào tạo của các trường, cơ sở đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, các trường đào tạo chuyên ngành về công nghệ thông tin và truyền thông.

đ) Thu hút lực lượng chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước có kinh nghiệm triển khai tham gia đào tạo trong các chương trình đào tạo; xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số.

e) Phát triển các nền tảng đào tạo trực tuyến về Chính phủ số cho mọi đối tượng, đặc biệt là cho các cơ quan nhà nước.

g) Xây dựng hệ thống thao trường mạng và thường xuyên tổ chức huấn luyện, diễn tập đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho Chính phủ số.

### **2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trong triển khai Chính phủ số**

a) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số.

b) Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Xây dựng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân để nhanh chóng phổ cập các kiến thức, kỹ năng số cần thiết, cơ bản cho mọi đối tượng trong xã hội, tạo điều kiện hòa nhập cuộc sống số.

d) Xây dựng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp để quảng bá thông tin, tăng cường sự tham gia, góp ý của người dân trong các hoạt động quản lý, quá trình ra quyết định của các cơ quan nhà nước.

đ) Thúc đẩy phổ cập điện thoại thông minh để mọi người dân có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

### **3. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức nghiên cứu để triển khai Chính phủ số**

a) Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp);

b) Hoàn thiện các cơ chế tài chính tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo hình thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, thuê, mua các dịch vụ số mới, tham gia các quỹ đầu tư, trung tâm đổi mới sáng tạo.

c) Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính phủ số thuận lợi. Xây dựng nền tảng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ số của các doanh nghiệp hỗ trợ cộng đồng.

d) Phối hợp với các viện, trung tâm nghiên cứu để đưa vào triển khai thực tế các kết quả nghiên cứu và phát triển về Chính phủ số.

### **4. Xây dựng bộ chỉ số đo lường triển khai Chính phủ số và bộ công cụ giám sát, đánh giá**

a) Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về Chính phủ điện tử, Chính phủ số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

c) Xây dựng bộ công cụ để giám sát, đánh giá mức độ, hiệu quả triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

d) Định kỳ hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

### **5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, làm chủ các công nghệ triển khai Chính phủ số, thúc đẩy ứng dụng và phát triển mã nguồn mở**

a) Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số. Thúc đẩy ứng dụng và phát triển mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số.

b) Phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số trước hết đó là các công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ make in Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số.

## **6. Tăng cường hợp tác quốc tế**

a) Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về Chính phủ số, tham gia mạnh mẽ vào công tác xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ số mới.

b) Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam.

## **VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí triển khai Chính phủ số do nguồn vốn ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định hiện hành và được lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác có liên quan, bảo đảm không trùng lặp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lấy ý kiến đồng thuận của Bộ Thông tin và Truyền thông khi phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án triển khai Chính phủ số.

2. Nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương và các nguồn kinh phí khác do Trung ương quản lý được phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ do các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương chủ trì; các nhiệm vụ, dự án xây dựng các hệ thống, hạ tầng có tính liên bộ, liên tỉnh hoặc kết nối từ Trung ương đến địa phương; hỗ trợ một số tỉnh khó khăn chưa tự cân đối được ngân sách.

3. Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí khác do địa phương quản lý bảo đảm để thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan địa phương chủ trì.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng Chương trình đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

5. Các bộ, ngành, địa phương hàng năm sử dụng tối thiểu 1% nguồn vốn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ phát triển Chính phủ số, ưu tiên sử dụng để thuê các dịch vụ công nghệ thông tin.

6. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nội dung của Nghị quyết tiến hành đăng ký kinh phí, lập dự án và nhiệm vụ đầu tư đối với nguồn vốn đầu tư phát triển, lập kế hoạch, dự toán đối với nguồn vốn sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

Danh mục các nhiệm vụ đặc thù, quy mô quốc gia và dự kiến nguồn kinh phí nêu tại **Phụ lục**.

## **VIII. CƠ CHẾ TRIỂN KHAI**

1. Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử thực hiện chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan giúp Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử điều phối công tác triển khai Nghị quyết.

2. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đơn đốc, điều phối chung việc triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số trong phạm vi bộ, ngành, địa phương mình.

Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan thường trực, giúp Ban Chỉ đạo điều phối công tác triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số trong phạm vi bộ, ngành, địa phương.

3. Việc triển khai Chính phủ số sẽ theo hướng từng bước tập trung hoá, phát triển các nội dung Chính phủ số dựa trên các dịch vụ điện toán đám mây, được dùng chung, chia sẻ tối đa, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ. Bảo đảm tránh đầu tư trùng lặp, thực hiện nguyên tắc sau:

a) Các Bộ, ngành, địa phương không đầu tư trùng lặp với các nội dung xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng dùng chung cho Chính phủ số Việt Nam, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia.

b) Các địa phương không đầu tư trùng lặp với các hệ thống thông tin chuyên ngành do các bộ triển khai đến địa phương.

c) Các Bộ chủ trì triển khai các nội dung nêu tại khoản a,b ở trên phải công bố công khai kế hoạch, lộ trình triển khai và xác định rõ cách thức, trách nhiệm

phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan, tránh tình trạng làm chậm tiến độ triển khai Chính phủ số của các cơ quan khác, bảo đảm sự kết nối, chia sẻ hạ tầng, dữ liệu trên quy mô quốc gia.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

a) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan tại Mục V, Mục VI, đặc biệt là các nhiệm vụ được giao tại khoản 3 Mục V và các nhiệm vụ, giải pháp đặc thù, quy mô quốc gia được giao tại **Phụ lục**.

b) Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới số hóa toàn bộ cơ quan tổ chức.

c) Căn cứ nội dung của Nghị quyết này, xây dựng và phê duyệt kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số giai đoạn 2021-2025 gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 30/9/2020 để tổng hợp. Hàng năm xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển Chính phủ số trước tháng 10, gửi bản Dự thảo kế hoạch xin ý kiến Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi phê duyệt và gửi bản Kế hoạch sau khi phê duyệt về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

d) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án Chính phủ số; tăng cường thuê dịch vụ.

đ) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo hàng tháng, hàng quý và đột xuất tình hình thực hiện Nghị quyết này theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết này.

### **2. Bộ Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì tổ chức thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết, định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

- Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2023 để cụ thể hoá Nghị quyết này.

### **3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch vốn đầu tư trung hạn thực hiện Nghị quyết; Tổng hợp nhu cầu, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Nghị quyết.

### **4. Bộ Tài chính**

Tổng hợp nhu cầu, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn sự

nghiệp để thực hiện Nghị quyết.

## **5. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân và các cơ quan truyền thông, báo chí**

Tuyên truyền chuyên đổi nhận thức của xã hội về Chính phủ số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

## **6. Các hội, hiệp hội**

a) Truyền thông, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, đào tạo, tư vấn về Chính phủ số cho toàn xã hội;

b) Tham gia góp ý, phản biện cho các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chính phủ số.

## **7. Các doanh nghiệp**

Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ cốt lõi của Chính phủ số; phát triển hạ tầng, dịch vụ Chính phủ số theo hướng cho các cơ quan nhà nước thuê; kết nối với các nền tảng, dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước để phát triển các dịch vụ phát triển kinh tế - xã hội.

### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).XH

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**



**Phụ lục**

**DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)*

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
<b>I</b>	<b>NHIỆM VỤ</b>						
<b>I.1</b>	<b>Xây dựng môi trường pháp lý cho Chính phủ số</b>						
1.	Xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
2.	Sửa đổi Luật Giao dịch điện tử	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
3.	Sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử	Bộ NV	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
4.	Xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số thay thế Luật Công nghệ thông tin	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
5.	Sửa đổi Luật Viễn thông	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2022	x		
6.	Chỉnh sửa Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
7.	Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng tần số vô tuyến điện; đấu giá và chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
8.	Xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật An ninh mạng	Bộ Công an	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
9.	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
10.	Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Điện toán đám mây	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
11.	Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dữ liệu	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
12.	Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam lên Khung Kiến trúc Chính phủ số	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
13.	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh lên Kiến trúc số	Bộ, ngành, ĐP	Bộ TT&TT	2020-2025	x	x	
<b>I.2</b>	<b>Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng dùng chung cho Chính phủ số Việt Nam</b>						
	<b>Hạ tầng mạng</b>						
14.	Phát triển Mạng dùng riêng cho Chính phủ số	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2025	x		
15.	Xây dựng Trung tâm điều hành hạ tầng mạng quốc gia	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2022	x		
16.	Thúc đẩy phát triển hạ tầng mạng cáp quang băng rộng, mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2025	x		
	<b>Trung tâm dữ liệu</b>						
17.	Xây dựng Đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở, quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2021-2025	x	x	
	<b>Các cơ sở dữ liệu quốc gia</b>						
18.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
19.	Phát triển Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ TNMT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
20.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ KHĐT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
21.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính	Bộ TC	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
22.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm	BHXHVN	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
23.	Phát triển Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc	Bộ TP	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
24.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Y tế	Bộ Y tế	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
25.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ NV	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
26.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội	Bộ LB-TB&XH	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
	<b>Phát triển các nền tảng quốc gia</b>						
27.	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2023	x		
28.	Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA)	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2022	x		
29.	Phát triển Nền tảng Hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (NPSP)	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
30.	Phát triển Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số (G-SOC)	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2022	x		
31.	Xây dựng Hệ thống giám sát quốc gia về Chính phủ số (G-OC)	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
32.	Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế - xã hội	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2025	x		
33.	Thuê hạ tầng, đường truyền và các dịch vụ duy trì, vận hành, khai thác các nền tảng quốc gia (NDXP,	Bộ TT&TT	Các tổ chức, doanh nghiệp	2021-2025	x		

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
	NIXA, NPSP, G-SOC, G-OC, Công dữ liệu Việt Nam, ....)						
34.	Phát triển nền tảng cộng đồng (crowdsourcing platform) quốc gia để mọi người dân có thể tham gia đóng góp ý kiến kiến tạo Chính phủ số	Bộ TT&TT	Các tổ chức, doanh nghiệp	2021-2025	x		
<b>I.3</b>	<b>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia</b>						
35.	Phát triển Công Dịch vụ công quốc gia	VPCP	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
36.	Phát triển Nền tảng ứng dụng di động để truy cập được các dịch vụ Chính phủ số qua thiết bị di động thông minh	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
37.	Xây dựng Công dữ liệu Việt Nam	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2022	x		
38.	Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa	Bộ KH&CN	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
39.	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia	VPCP	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
40.	Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	VPCP	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
41.	Nâng cấp Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia	Bộ KH&ĐT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
42.	Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số	Bộ TC	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x		
<b>II</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>						
<b>II.1</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực cho Chính phủ số</b>						
43.	Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp về phát triển Chính phủ số	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x	x	
44.	Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x	x	
45.	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	Bộ, ngành, ĐP		2021	x	x	
46.	Đưa nội dung đào tạo về Chính phủ số vào Chương trình đào tạo của các trường, cơ sở đào tạo cán bộ,	Bộ GD&ĐT Bộ LĐ-TB&XH	Bộ TT&TT	2020-2021	x		

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
	công chức, viên chức, các trường đào tạo chuyên ngành về công nghệ thông tin và truyền thông	Bộ Nội vụ					
47.	Thu hút lực lượng chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước có kinh nghiệm triển khai Chính phủ số tham gia đào tạo trong các chương trình đào tạo; xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2025	x		
48.	Phát triển các nền tảng đào tạo trực tuyến về Chính phủ số cho mọi đối tượng	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2021-2025	x	x	
49.	Xây dựng nền tảng thao trường mạng và thường xuyên tổ chức huấn luyện, diễn tập đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2021-2025	x	x	
<b>II.2</b>	<b>Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trong triển khai Chính phủ số</b>						
50.	Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số.	Bộ, ngành, ĐP		2021-2025	x	x	
51.	Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học	Bộ GD&ĐT	Bộ TT&TT	2020-2021	x	x	
52.	Xây dựng Nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2025	x	x	
53.	Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp để quảng bá thông tin, tăng cường sự tham gia, góp ý của người dân trong các hoạt động quản lý, quá trình ra quyết định của các cơ quan nhà nước.	Bộ, ngành, ĐP	Doanh nghiệp	2021-2025	x	x	

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
54.	Thúc đẩy phổ cập điện thoại thông minh để mọi người dân có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2021-2025	x	x	
<b>II.3</b>	<b>Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức nghiên cứu để triển khai Chính phủ số</b>						
55.	Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp);	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, Doanh nghiệp	2020-2025	x	x	
56.	Hoàn thiện các cơ chế tài chính tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo hình thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, thuê, mua các dịch vụ số mới, tham gia các quỹ đầu tư, trung tâm đổi mới sáng tạo.	Bộ TC	Bộ, ngành, ĐP, Doanh nghiệp	2021-2025	x	x	
57.	Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính phủ số thuận lợi. Xây dựng nền tảng giới thiệu sản phẩm, dịch vụ số của các doanh nghiệp hỗ trợ cộng đồng.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2020-2025	x	x	
58.	Phối hợp với các viện, trung tâm nghiên cứu để đưa vào triển khai thực tế các kết quả nghiên cứu và phát triển về Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, tổ chức, doanh nghiệp	2020-2025	x	x	
<b>II.4</b>	<b>Xây dựng bộ chỉ số đo lường triển khai Chính phủ số</b>						

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
59.	Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong đó có Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, tổ chức, doanh nghiệp	2020-2021	x		
60.	Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về Chính phủ điện tử, Chính phủ số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).	Bộ NV VCCI	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x	x	
61.	Xây dựng bộ công cụ để giám sát, đánh giá mức độ, hiệu quả triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2021	x		
62.	Định kỳ hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP	2020-2025	x	x	
<b>II.5</b>	<b>Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, làm chủ các công nghệ triển khai Chính phủ số</b>						
63.	Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số.	Bộ KH&CN	Bộ, ngành, ĐP, tổ chức, doanh nghiệp	2021-2025	x	x	
64.	Phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2021-2025	x		
<b>II.6</b>	<b>Tăng cường hợp tác quốc tế</b>						
65.	Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về Chính phủ số.	Bộ, ngành, ĐP	Tổ chức, doanh nghiệp	2021-2025	x	x	

TT	Tên nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
66.	Hỗ trợ một số nước trong khu vực phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của Việt Nam.	Bộ TT&TT	Bộ, ngành, ĐP, doanh nghiệp	2021-2025	x	x	